

Phần: 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	:	Future DC
Các hình thức nhận dạng khác	:	Không áp dụng.
Cách sử dụng đề xuất	:	Chất tẩy rửa vệ sinh
Các khuyến nghị về hạn chế sử dụng	:	Dùng trong công nghiệp và các lĩnh vực chuyên môn.
Thông tin về sản phẩm pha loãng	:	Thông tin dung dịch pha loãng không được cung cấp.
Công ty	:	CÔNG TY TNHH ECOLAB VIỆT NAM Tầng 8, Phòng 8.2B, Tòa nhà E.TOWN 2, số 364, đường Cộng Hòa, Phường 13 Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam TEL: +84 28 3528 5100
Điện thoại khẩn cấp	:	+(84)-444581938
Ngày tháng phát hành đầu tiên	:	30.11.2020

Phần: 2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI
Phân loại theo GHS

Ăn mòn/kích ứng da	:	Nhóm 2
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	:	Nhóm 1
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	:	Nhóm 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	:	Nhóm 3

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo các nguy cơ : Gây kích ứng da.
Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Độc đối với thủy sinh vật.
Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Bản tuyên bố các biện pháp phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
Sơ cứu/Cấp cứu:
NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. NẾU BAY VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ. Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hoá chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

Việc thải bỏ:

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác : Được biết là chưa xảy ra.

Phần: 3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Đơn chất/Hỗn hợp chất : Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ: (%)
Cồn C12-16 ethoxylate hóa	68551-12-2	3 - 5
đinatri metasilicate	6834-92-0	1.5 - 3
benzalkonium chloride	68424-85-1	1.5 - 3

Phần: 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và để làm. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Sử dụng xà bông nhẹ nếu có Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng, Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Xúc miệng bằng nước. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Ngay lập tức tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Chuyển đến nơi thoáng khí. Điều trị theo triệu chứng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Bảo vệ người sơ cứu : Nếu có nguy cơ bị nhiễm thì hãy đọc chương 8 về trang bị bảo hộ cá nhân.

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và lâu dài : Xem phần 11 để biết thêm thông tin chi tiết về hậu quả và triệu chứng liên quan đến sức khỏe.

Phần: 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện cứu hỏa phù hợp : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp : Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy cơ cụ thể khi cứu hỏa : Tiếp xúc với các sản phẩm phân hủy có thể là một nguy cơ đối với sức khỏe.

Các sản phẩm cháy nguy hại : sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

Carbon ôxit
Ôxit photpho

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít thở khói.

Phần: 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Sự phòng ngừa, các thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng phó khẩn cấp : Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực hoá chất bị tràn đổ/rò rỉ và tránh hướng gió thổi. Tránh hít phải, nuốt phải hoặc tiếp xúc với da và mắt. Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn. Việc làm sạch chỉ được thực hiện bởi nhân viên đã huấn luyện Tham khảo các biện pháp bảo hộ liệt kê trong phần 7 và 8.

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Không để tiếp xúc với đất, nước mặt và nước ngầm.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Ngưng chỗ rò rỉ nếu có thể thực hiện một cách an toàn. Ngăn chặn sự tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13). Đối với vùng loang rộng, đào rãnh quanh vật liệu bị tràn hoặc nếu không thì ngăn chặn vật liệu lại không cho chảy vào nguồn nước.

Phần: 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Không được ăn. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không được hít bụi/khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước. Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Không để hóa chất rơi vào mắt, lên da, hoặc quần áo.

Các điều kiện lưu giữ an toàn : Không lưu giữ gần axit. Để xa tầm tay của trẻ. Đóng chặt thùng chứa. Bảo quản trong thùng chứa phù hợp có dán nhãn.

Nhiệt độ lưu giữ : 10 °C tới 50 °C

Phần: 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có giới hạn kiểm soát nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kỹ thuật : Hệ thống ống thông gió hiệu quả. Giữ nồng độ trong không khí thấp hơn tiêu chuẩn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

	Mạng che mặt
Bảo vệ tay	: Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau: Loại găng chuẩn. Màng laminate. Cao su tự nhiên. Cao su nitrile. Găng tay không thấm Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào.
Bảo vệ da	: Không có yêu cầu đặc biệt nào về thiết bị bảo hộ.
Bảo vệ hô hấp	: Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.
Các biện pháp vệ sinh	: Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào đã tiếp xúc với hoá chất thật kỹ sau khi thao tác. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện cho việc làm ướt hoặc dội nước nhanh cho mắt và cơ thể trong trường hợp có tiếp xúc hoặc nguy cơ bị văng hóa chất.

Phần: 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: trong suốt, màu xanh lá cây nhạt
Mùi	: Hương hoa
Độ pH	: 12.2 - 13.0, (100 %)
Điểm chớp cháy	: Không áp dụng.
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: 100 °C
Tỷ lệ hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Không áp dụng.
Ngưỡng nổ trên	: chưa có dữ liệu
Ngưỡng nổ dưới	: chưa có dữ liệu
Áp suất hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: 1.07 - 1.08
Khả năng hòa tan trong nước	: chưa có dữ liệu
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: chưa có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

Phân hủy do nhiệt	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt, động học	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	: chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	: chưa có dữ liệu
VOC	: chưa có dữ liệu

Phần: 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Tính phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định hóa học	: Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	: Được biết là chưa xảy ra.
Các vật liệu xung khắc	: Axit
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	: sản phẩm phân hủy bao gồm các chất sau Carbon ôxit Ôxit photpho

Phần: 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các con đường : Hít phải, Tiếp xúc với mắt, Tiếp xúc với da phơi nhiễm có thể.

Các ảnh hưởng tiềm tàng tới sức khỏe

Mắt	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Da	: Gây kích ứng da.
Ăn uống	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Hít phải	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.
Phơi nhiễm Mãn tính	: Hiện chưa biết các tổn thương về sức khỏe hoặc được cho là không có khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Kinh nghiệm về phơi nhiễm ở người

Tiếp xúc với mắt	: đỏ, Đau, Ăn mòn
Tiếp xúc với da	: đỏ, Đau, Kích ứng
Nuốt phải	: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.
Hít phải	: Không có triệu chứng nào được biết hoặc được cho là có.

Độc tính

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

Sản phẩm

Độc tính cấp theo đường miệng	: Ước lượng độc tính cấp : > 5,000 mg/kg
Độc tính cấp do hít phải	: 4 h Ước lượng độc tính cấp : 2.45 mg/l Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Độc tính cấp qua da	: Ước lượng độc tính cấp : > 5,000 mg/kg
Kích ứng/ấn mòn da	: chưa có dữ liệu
Tổn thương mắt nghiêm trọng/làm rát tẩy mắt	: chưa có dữ liệu
Nhạy cảm với hô hấp hoặc da	: chưa có dữ liệu
Độc tính gây ung thư	: chưa có dữ liệu
Các ảnh hưởng tới sinh sản	: chưa có dữ liệu
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	: chưa có dữ liệu
Độc tính gây quái thai	: chưa có dữ liệu
STOT - Tiếp xúc một lần	: chưa có dữ liệu
STOT - Tiếp xúc lặp lại	: chưa có dữ liệu
Độc tính hô hấp	: chưa có dữ liệu

Phần: 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc sinh thái

Tác động tới môi trường : Độc đối với thủy sinh vật. Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Sản phẩm

Độc đối với cá	: chưa có dữ liệu
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: chưa có dữ liệu
Độc đối với tảo	: chưa có dữ liệu

Thành phần

Độc đối với cá	: Cồn C12-16 ethoxylate hóa LC50: 1.5 mg/l dinatri metasilicate 96 h LC50 Cá: 210 mg/l
----------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------

Thành phần

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: benzalkonium chloride 48 h EC50 Daphnia magna (Bọ nước): 0.016 mg/l
--------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------

Độ bền và khả năng phân hủy

Phân hủy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

chưa có dữ liệu

Lưu động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

Phần: 13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy : Trong trường hợp có thể, việc tái chế được ưu tiên hơn so với việc loại bỏ hoặc thiêu đốt. Nếu việc tái chế là không khả thi, hãy thải loại phù hợp với các quy định địa phương. Loại bỏ chất thải trong một cơ sở xử lý chất thải có giấy phép.

Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vứt xuống đất.

Các lưu ý về tiêu hủy : Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng. Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ. Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng. Thải bỏ phù hợp theo các Quy định của địa phương, bang và liên bang.

Phần: 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Người vận chuyển/người nhận hàng/người gửi hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng loại bao bì, nhãn và ký hiệu là phù hợp với phương thức vận chuyển đã được chỉ định.

Vận tải mặt đất

Hàng hóa không nguy hiểm

Vận tải đường biển (IMDG/IMO)

Hàng hóa không nguy hiểm

Phần: 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH, VIỆT NAM

Luật Hóa chất (Luật số 06/2007/QH12)

Quy định Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường bộ hàng hóa nguy hiểm (104/2009/NĐ-CP)

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất (Nghị Định số 113/2017/NĐ-CP)

Ghi nhãn hàng hoá (43/2017/NĐ-CP)

Ban hành Danh mục hàng nguy hiểm và Vận tải đường thủy nội địa (29/2005/ND-CP)

Thông tư: 32/2017/TT-BCT

Thông tư: 44/2012/TT-BCT

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

Bảng thống kê TSCA của Mỹ :

chưa được xác định

Danh sách các chất nội địa của Canada :

Sản phẩm này có chứa một hoặc một số thành phần không được liệt kê trong các danh sách DSL và NDSL do Canada ban hành.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Future DC

Úc. Luật hóa chất công nghiệp (Sự khai báo và đánh giá) :
chưa được xác định

New Zealand. Bảng thống kê các loại hóa chất (NZIoC), được ban hành bởi ERMA New Zealand. :
chưa được xác định

Nhật Bản. ENCS - Bảng thống kê các hóa chất mới và hiện tại. :
chưa được xác định

Hàn Quốc - Bảng thống kê các hóa chất hiện tại của Hàn Quốc (KECI) :
chưa được xác định

Bảng thống kê các hóa chất và chất có tính hóa học của Philippines (PICCS) :
chưa được xác định

Trung Quốc. Bảng thống kê các hóa chất hiện tại. :
chưa được xác định

Tồn kho hóa chất của Đài Loan :
chưa được xác định

Phần: 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng phát hành đầu tiên : 30.11.2020
Ngày ban hành đầu tiên : 23.03.2016
Phiên bản : 1.3A
Chuẩn bị bởi : Regulatory Affairs

THÔNG TIN ĐÃ SỬA ĐỔI: những thay đổi cần thiết đối với quy định hoặc thông tin sức khỏe của bản sửa này được chỉ theo một vạch bên lề trái của MSDS

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.